

Bản án số: 533/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 08-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2020/QĐ-HPT ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1976; địa chỉ: 103/29A đường V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ: 103/9A đường V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020, bản tự khai ngày 21/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Trần Thị Thùy T trình bày: bà và ông Lâm Văn T quen biết nhau do là ở cùng xóm với nhau, do bà làm ăn thất bại nên bà buồn và đi chơi. Trong những lần đi chơi thì bà gặp ông T, sau đó bà có thai với ông T vì vậy mà bà và ông T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con và đã được Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 27/05/2015. Bà và ông T không tổ chức đám

cưới do cha mẹ hai bên không đồng ý. Mặc dù đã đăng ký kết hôn nhưng bà và ông T không sống chung một nhà với nhau mà nhà ai nấy sống và cũng không ai quan tâm đến ai. Cả hai đều không hiểu nhau và không có tình cảm với nhau vì trước khi tiến tới hôn nhân thì bà và ông T đều không có thời gian để tìm hiểu nhau. Ông T làm nghề thợ sơn, lúc đầu bà thấy ông T cũng chịu khó làm ăn nhưng sau thì ông T ham mê cờ bạc và không quan tâm gì đến bà. Khi bà sinh con thì ông T có đến thăm con nhưng cũng không quan tâm lo lắng, chăm sóc con. Cha mẹ bà phải nuôi bà và con của bà. Nay bà xác định bà không có tình cảm vợ chồng gì với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T

Về con chung: bà và ông Lâm Văn T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015. Hiện nay trẻ P đang sống chung với ông T. Ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ P. Hiện nay bà không có việc làm nên bà đồng ý giao trẻ Lâm Gia P cho ông T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 28/5/2020 Bị đơn ông Lâm Văn T trình bày: Bà T cờ bạc có người đàn ông khác bên ngoài, ông và bà T không còn sống chung với nhau. Hiện nay trẻ P đang sống chung với ông. Bà T không có lo cho bé P. Ông đồng ý ly hôn với bà T

Về con chung: ông và bà T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015. Ông yêu cầu được nuôi trẻ Lâm Gia P. Về cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Trần Thị Thùy T và ông Lâm Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn được vài tháng thì bà T sinh con, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, phát sinh mâu thuẫn, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao trẻ Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015 cho ông T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T

không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung : cả hai khai không có nên không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Thùy T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Lâm Văn T vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Lâm Văn T vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà T tại phiên tòa hôm nay thì trước khi tiến tới hôn nhân thì bà T và ông T không có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn thì cả hai cũng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống và cũng không phát sinh tình cảm vợ chồng với nhau. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại bản tự khai ngày 28/5/2020 thì ông T cũng đồng ý ly hôn với bà T

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà T và ông T đã không có sự tôn trọng, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Từ khi ông T và bà T đăng ký kết hôn với nhau thì cả hai cũng không sống chung với nhau, nhà ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lâm Văn T đến Tòa án để trình bày ý kiến và đề động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 28/5/2020 thì ông T cũng đồng ý ly hôn với bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Thùy T và ông Lâm Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Lâm Văn T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T và ông Lâm Văn T có với nhau 01(một) người con chung tên là: Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015. Ông T yêu cầu được nuôi trẻ P. Bà T đồng ý giao trẻ P cho ông T nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015 cho ông Lâm Văn T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 28/5/2020 ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: hai bên khai không có

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Thùy T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Lâm Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F cấp ngày 27/5/2015 cho bà Trần Thị Thùy T và ông Lâm Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lâm Gia P, sinh ngày: 01/11/2015 cho ông Lâm Văn T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Văn T không yêu cầu bà Trần Thị Thùy T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Văn T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Trần Thị Thùy T đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: hai bên khai không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Thùy T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010129 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhân